TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU-TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **175**/2017/QĐST-HNGĐ	*Liên Chiểu, ngày 10 tháng 11 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Ξ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 346/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trương Văn S** – sinh năm 1983
- *Bị đơn:* Bà **Võ Thị Mỹ P** – sinh năm 1985

Cùng trú tại: Tổ 106, phường M, quận L, TP Đà Nẵng

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Ngân hàng C**

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo L, phường H, quận H, Tp Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lưu Thị N – Giám đốc Phòng giao dịch quận L, Chi nhánh Ngân hàng C thành phố Đà Nẵng (Theo Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 4716/QĐ-NHCS ngày 25.11.2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng C)

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Trương Văn S và bà Võ Thị Mỹ P – sinh năm 1985; cùng trú tại: Tổ 106, phường M, quận L, TP Đà Nẵng

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Trương Văn S và bà Võ Thị Mỹ P thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04.9.2008 của UBND phường M, quận L, TP Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý.

- *Về quan hệ con chung:* Ông Trương Văn S và bà Võ Thị Mỹ P cùng xác nhận có 02 con chung là Trương Nhã U – sinh ngày 15.4.2011 và Trương An D – sinh ngày 22.8.2014. Hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

Ông Trương Văn S trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung Trương Nhã U – sinh ngày 15.4.2011.

Bà Võ Thị Mỹ P trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung Trương An D – sinh ngày 22.8.2014.

Các bên đương sự tự nuôi con, không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ tháng 10.2017 đến tháng 10.2022 ông Trương Văn S tự nguyện hỗ trợ cho bà Võ Thị Mỹ P số tiền 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chị khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- *Về nợ chung:* Ông Trương Văn S là người có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng C – Phòng giao dịch quận L số tiền gốc 43.800.000 đồng (bốn mươi ba triệu tám trăm ngàn đồng) và tiền lãi phát sinh hàng tháng theo Hợp đồng tín dụng số 34.30.031996 ngày 15.12.2009 giữa Ngân hàng C - Phòng giao dịch quận L và ông Trương Văn S, bà Võ Thị Mỹ P.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) ông Trương Văn S tự nguyện nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000535 ngày 03.10.2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng. Ông Trương Văn S được trả lại số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng y).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU
Thẩm phán

Phạm Thanh Thủy

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận L;
- Chi cục THADS quận L;
- UBND phường M;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.